TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2025
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sơn Mứt

Ông Nguyễn Tuấn Kiệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Tổ 11, ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp Đ, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long), có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Sơn Thị H**, sinh năm 2001; Nơi cư trú: Tổ 18, ấp Đông H, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp Đ, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Tấn T trình bày***: Vào năm 2018 sau thời gian quen biết nhau, anh T và chị Sơn Thị H tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được UBND xã Đông Bình, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường Đông Thành, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/9/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 6/2021 do phải đi chấp hành án tại Trại giam Phước Hòa – Tiền Giang nên vợ chồng sống ly thân đến nay, vợ tôi bỏ đi đâu không rõ địa chỉ. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị H.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 07/7/2020 và Nguyễn Ngọc Thảo My, sinh ngày 08/11/2021, hiện đang sống cùng anh T. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Nhật Minh và Nguyễn Ngọc Thảo My, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Sơn Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 349/2024/TB-TLVA ngày 02/12/2024; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 110/2024/TB-TA ngày 10/02/2024; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 307/2025/TB-TA ngày 20/3/2025; Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ (lần 1) số 308/2025/TB-TA ngày 20/3/2025; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2025 và giấy triệu tập xét xử lần 1 ngày 18/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2025 và giấy triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng chị H không đến Toà án để trình bày và cung cấp bản khai đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Ngày 07/7/2025, nguyên đơn Nguyễn Tấn T có đơn xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Tấn T có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn chị Sơn Thị H vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Tấn T khởi kiện xin ly hôn với chị Sơn Thị H có nơi cư trú tại ấp Đông H, xã Đông Bình, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long nay là ấp Đông Bình, phường Đông Thành, tỉnh Vĩnh Long do đó Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 03/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất, chị H đã được tống đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử lần 1 nhưng chị H vắng mặt không rõ lý do. Sau đó, chị H đã được tống đạt hợp lệ: Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2025 và giấy triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do bị đơn Sơn Thị H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt không rõ lý do và nguyên đơn anh T có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T và chị H.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân:

Sau khi tổ chức lễ cưới, anh T và chị H có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã Đông Bình, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường Đông Thành, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/9/2020 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét quá trình chung sống của anh T và chị H: Theo lời khai của anh T, sau khi kết hôn vợ chồng anh thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 6/2021 do phải đi chấp hành án tại Trại giam Phước

Hòa – Tiền Giang nên vợ chồng anh T sống ly thân đến nay, chị H bỏ đi đâu không rõ địa chỉ. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không có đến Toà án để trình bày và nộp bản khai nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh T nên phải chịu H quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do giữa anh T và chị H đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị H.

[2.2.] Về nuôi con chung:

Trong quá trình chung sống, anh T và chị H có 02 con chung tên Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 07/7/2020 và Nguyễn Ngọc Thảo My, sinh ngày 08/11/2021 hiện đang sống cùng anh T, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Nhật Minh và Nguyễn Ngọc Thảo My. Hiện anh T đang làm tài xế xe cuốc thu nhập bình quân khoảng 11.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không đến Toà án để trình bày và nêu ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chung của ông T nên phải chịu H quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó để tiếp tục đảm bảo điều kiện phát T về thể chất và tinh thần cho các cháu, Hội đồng xét xử thống nhất giao cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 07/7/2020 và Nguyễn Ngọc Thảo My, sinh ngày 08/11/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Sơn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 07/7/2020 và Nguyễn Ngọc Thảo My, sinh ngày 08/11/2021 mà không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3.] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Tấn T và chị Sơn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Tấn T và chị Sơn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Tấn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 19, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn T được ly hôn với chị Sơn Thị H.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

2.1. Về nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Tấn T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 07/7/2020 và Nguyễn Ngọc Thảo My, sinh ngày 08/11/2021 cho đến khi cháu Nguyễn Nhật Minh và Nguyễn Ngọc Thảo My đủ 18 tuổi.

Chị Sơn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 07/7/2020 và Nguyễn Ngọc Thảo My, sinh ngày 08/11/2021 mà không ai được quyền cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Tấn T và chị Sơn Thị H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Tấn T và chị Sơn Thị H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Tấn T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013046 ngày 29/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bình Minh (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 3 – Vĩnh Long). Anh Nguyễn Tấn T đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

6. Án xử công khai, Anh Nguyễn Tấn T và chị Sơn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3: 01;
- Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 3: 01;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long: 01;
- UBND phường Đông Thành, tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Đương sự: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Thúy Quỳnh